

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 08 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Tấn;
2. Ông Bùi Văn Ôn.

*- Thư ký ghi phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2022 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: xóm Ót. Xã Chí Đạo, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/8/2022.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: xóm Ót, xã Chí Đạo, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Th (nay là xã Quyết Thắng), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau đó, tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa thuận, yêu thương nhau, đến cuối năm 2020 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Cho đến thời điểm này, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th đề nghị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Anh T và chị Th có 02 con chung là cháu Bùi Văn Ng, sinh ngày 15/11/2001 và cháu Bùi Thị L, sinh ngày 18/9/2007. Vợ chồng ly hôn, chị Th đồng ý để anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và chưa thực hiện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Cháu Bùi Văn Ng đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: Không có. Ngoài ra chị Th không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Bùi Thị Th kết hôn năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Chí Th (xã Quyết Thắng), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau đó, tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương.

Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa thuận, yêu thương nhau, đến cuối năm 2020 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị Th ngoại tình. Cho đến thời điểm này, anh T vẫn còn tình cảm với chị Bùi Thị Th nên chị Th đề nghị ly hôn anh T không đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị Th có 02 con chung là cháu Bùi Văn Ng, sinh ngày 15/11/2001 và cháu Bùi Thị L, sinh ngày 18/9/2007. Vợ chồng ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và chưa yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Cháu Bùi Văn Ng đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

***\* Tại biên bản xác minh ngày ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị Th có nội dung:***

Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị Th kết hôn năm 2001 (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2001, ngày 03/01/2001) trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Chí Th (nay là xã Quyết Thắng), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, hai vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị Th có 02 con chung là cháu Bùi Văn Ng, sinh ngày 15/11/2001 và cháu Bùi Thị L, sinh ngày 18/9/2007. Cháu Bùi Văn Ng hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình, hiện đang sinh sống tại địa phương. Kể từ khi ly thân, anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị L.

Về điều kiện nuôi con của anh T và chị Th:

- Xét về yếu tố nhân phẩm, đạo đức: anh T và chị Th luôn giữ gìn tư cách, phẩm chất đạo đức có lối sống trong sạch, lành mạnh, luôn vui vẻ, cởi mở, hòa đồng.

- Xét đến yếu tố kinh tế để nuôi con: Anh T và chị Th đều có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra khi chưa vào mùa vụ thì anh T và chị Th còn đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập. Do đó, cả anh T và chị Th đều đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con: Anh T hiện đang làm việc tại địa phương, thời gian làm việc quá gò bó nên có đủ thời gian để dành cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Th hiện nay đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng chị Th mới về thăm gia đình và các con.

- Về chỗ ở: anh T và chị Th có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện về chỗ ở để nuôi con.

#### ***\*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

**Về tố tụng:** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

#### **Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Thị L cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T chưa đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đề nghị không đề cập giải quyết

- Về án phí: Đề nghị buộc chị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm Ót, xã Chí Đạo, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án T hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. T hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. T hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh T và chị Th đã được Tòa án triệu tập họp L đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là anh Bùi Văn T đã được triệu tập họp L đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX T hành xét xử vắng mặt anh T và chị Th.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh T không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh T và chị Th có 02 con chung là cháu Bùi Văn Ng, sinh ngày 15/11/2001 và cháu Bùi Thị L, sinh ngày 18/9/2007. Hiện nay, cháu L đang được anh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Vợ chồng ly hôn, chị Th đồng ý để anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị L và chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Bùi Thị L trình bày nguyện vọng muốn ở với anh T khi bố mẹ ly hôn.

Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị Th và anh T: Kể từ khi ly thân đến nay chị Th để cháu L cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có chỗ ở ổn định, có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra anh T còn làm thuê để kiếm thêm thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th cũng đồng ý để anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh sự xáo trộn không cần thiết cần giao cháu Bùi Thị L cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi khác.

Cháu Bùi Văn Ng đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét.

[4] *Vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Do chị Th chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

*Vì các lẽ trên:*

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án

**1. Về hôn nhân**: Chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn T.

**2. Về con chung, cấp dưỡng**: Tiếp tục giao con chung là cháu Bùi Thị L, sinh ngày 18/9/2007 cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Th chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3. Về án phí**: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004336 ngày 11/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Quyết Thắng (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2001, ngày 03/01/2001);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**1. Bùi Văn Ôn**

**Bùi Văn Thiệu**

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**

